

Số: /GPMT-KCNĐN Đồng Nai, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27 tháng 06 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 333/QĐ-KCNĐN ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về việc thành lập đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường cơ sở “Nhà máy sản xuất các sản phẩm bọc yên ghế xe ô tô từ vải và da thành phẩm (không bao gồm công đoạn nhuộm vải và thuộc da) với quy mô 250.000 bộ/năm; Sản xuất linh kiện điện tử (màn hình cảm ứng các loại) với quy mô 360.000 sản phẩm/năm; Kinh doanh bất động sản (cho thuê nhà xưởng với diện tích 47.521 m²)” của Công ty Dệt ChoongNam Việt Nam TNHH tại đường Trần Phú, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ văn bản số 3088/KCNĐN-MT ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cơ sở của Công ty Dệt ChoongNam Việt Nam TNHH;

Xét đề nghị của Công ty Dệt ChoongNam Việt Nam TNHH tại văn bản số 02-24/CN đề ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện nội dung hồ sơ báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường cơ sở;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Dệt ChoongNam Việt Nam TNHH (sau đây gọi là chủ cơ sở) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất các sản phẩm bọc yên ghế xe ô tô từ vải và da thành phẩm (không bao gồm công đoạn nhuộm vải và thuộc da) với quy mô 250.000 bộ/năm; Sản xuất linh kiện điện tử (màn hình cảm ứng các loại) với quy mô 360.000 sản phẩm/năm; Kinh doanh bất động sản (cho thuê nhà xưởng với diện tích 47.521 m²)” tại đường Trần Phú, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất các sản phẩm bọc yên ghế xe ô tô từ vải và da thành phẩm (không bao gồm công đoạn nhuộm vải và thuộc da) với quy mô 250.000 bộ/năm; Sản xuất linh kiện điện tử (màn hình cảm ứng các loại) với quy mô 360.000 sản phẩm/năm; Kinh doanh bất động sản (cho thuê nhà xưởng với diện tích 47.521 m²).

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường Trần Phú, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 3600248801 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 7 năm 1995, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 10 tháng 10 năm 2023 do phòng Đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 8757736834 chứng nhận lần đầu ngày 17 tháng 7 năm 1995, chứng nhận thay đổi lần thứ 10 ngày 01 tháng 11 năm 2024 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3600248801.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất các sản phẩm bọc yên ghế xe ô tô từ vải và da thành phẩm; Sản xuất linh kiện điện tử; Kinh doanh bất động sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Diện tích đất thực hiện cơ sở là 150.000 m².
- Quy mô: Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Theo tiêu chí môi trường, thuộc Dự án đầu tư nhóm II.
- Công suất: Sản xuất các sản phẩm bọc yên ghế xe ô tô từ vải và da thành phẩm (không bao gồm công đoạn nhuộm vải và thuộc da) với quy mô 250.000 bộ/năm; Sản xuất linh kiện điện tử (màn hình cảm ứng các loại) với quy mô 360.000 sản phẩm/năm; Kinh doanh bất động sản (cho thuê nhà xưởng với diện tích 47.521 m²).
- Quy trình công nghệ sản xuất:
 - + Quy trình sản xuất sản phẩm bọc yên ghế xe ô tô: *Nguyên liệu (vải và da thành phẩm) → Cắt → May → Kiểm tra → Đóng gói → Thành phẩm.*

+ Quy trình sản xuất linh kiện điện tử (màn hình cảm ứng các loại):

Nguyên liệu (Kính, phim, khung, bản mạch, cảm biến) → Ghép kính + phim → Máy khử (tiệt trùng) → Kiểm tra bằng mắt → (1)

Nguyên liệu (phim dán, bản mạch) → Ghép phim dán ACF + bản mạch → Ghép nối thêm cảm biến + khung (nếu có) → (2)

(1)+(2) → Ghép nối thành màn hình → Kiểm tra độ tương tác, độ nhạy → Đóng gói → Thành phẩm.

- Cho thuê nhà xưởng:

Tổng diện tích nhà xưởng đăng ký cho thuê của cơ sở là 47.521 m². Ngành nghề hoạt động của bên thuê lại nhà xưởng phải phù hợp với ngành nghề thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp Nhơn Trạch II theo Giấy phép môi trường đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép, chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt tối đa là 45 m³/ngày đêm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ cơ sở

1. Chủ cơ sở có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chủ cơ sở có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Nhơn Trạch;
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2;
- Chủ cơ sở (thực hiện);
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (NT).

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Trí Phương

PHỤ LỤC 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng
năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Nguồn số 01: Khu nhà vệ sinh, văn phòng, nhà ăn, nhà bảo vệ, phát sinh nước thải sinh hoạt (bao gồm: nước đen là nước qua bể tự hoại như nước từ bồn cầu, bồn tiểu; nước xám là nước không qua bể tự hoại như nước rửa, vệ sinh,...).
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động nấu ăn cho cán bộ công nhân viên tại nhà máy.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt của đơn vị thuê lại nhà xưởng.
- Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Công ty trước khi đầu nối với Khu công nghiệp Nhơn Trạch II để tiếp tục xử lý.
- Chủ cơ sở đã ký thỏa thuận thu gom, xử lý nước thải với Công ty Cổ phần dịch vụ Sonadezi (là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch II) tại Hợp đồng xử lý nước thải số 53/HĐNT-SDV-NT ngày 01/11/2019.
- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp: đạt giới hạn theo hợp đồng, thỏa thuận giữa Chủ cơ sở và đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch II.
- Chủ cơ sở không được xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt (nguồn số 1, 3) với lưu lượng dự kiến 194,4 m³/ngày đêm bao gồm nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh cá nhân của công nhân viên, lao động (nhà vệ sinh, văn phòng, nhà ăn, nhà bảo vệ, nhà kỹ thuật) qua 03 bể tự hoại 3 ngăn có tổng thể tích 198 m³ được dẫn bằng hệ thống đường ống PVC đường kính 114mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày của Công ty.

Nước thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn cho cán bộ công nhân viên (nguồn số 2) với lưu lượng dự kiến 13,28 m³/ngày đêm qua bể tách dầu mỡ được dẫn bằng hệ thống đường ống PVC đường kính 114mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày của Công ty để xử lý trước khi đầu nối về nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch II.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày đêm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Nước thải* → *Hố thu gom* → *Bể điều hòa* → *Bể hiếu khí* → *Bể lắng* → *Bể hoàn thiện* → *Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp*.

- Công suất thiết kế: 300 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm): PAC.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến: không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

2.2. Công trình, xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

01 Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 300 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải theo quy định tại Phần A của Phụ lục này. Cụ thể các thông số ô nhiễm chính sau: pH, BOD₅, COD, TSS, Amoni, Tổng N, Tổng P, dầu mỡ khoáng.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp Nhơn Trạch II và biện pháp kiểm soát, giám sát nước thải theo thỏa thuận giữa Chủ cơ sở và đơn vị

vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... để vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch II để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.7. Bố trí hồ ga riêng đảm bảo công tác giám sát nước thải đối với các đơn vị thuê nhà xưởng. Chịu trách nhiệm thỏa thuận với các đơn vị thuê nhà xưởng, đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN về việc tiếp nhận và chất lượng nước thải của các đơn vị thuê nhà xưởng khi tiến hành đấu nối về hệ thống xử lý nước thải của Chủ cơ sở.

3.8. Đơn vị thuê nhà xưởng phải thực hiện thủ tục môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

- Cơ sở có sử dụng máy phát điện dự phòng (sử dụng nhiên liệu là dầu DO); bụi, khí thải phát sinh được thu gom, phát tán ra môi trường qua đường ống thoát khí thải (kích thước Ø200mm, chiều cao 5m), không có dòng thải do không có hệ thống xử lý khí thải.

- Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do cơ sở không phát sinh khí thải tại nguồn, không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

- Trong trường hợp có phát sinh bụi, khí thải: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và thu gom, xử lý toàn bộ bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 0,8$; K_p theo tổng lưu lượng các nguồn thải của cơ sở), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT.

- Thực hiện các biện pháp khống chế, giảm thiểu mùi hôi khó chịu hoặc gây ô nhiễm môi trường.

- Đơn vị thuê lại nhà xưởng phải đảm bảo biện pháp giảm thiểu, thu gom, xử lý toàn bộ khí thải, bụi, mùi, hơi dung môi phát sinh trong quá trình hoạt động đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 0,8$ và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải của dự án) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT. Thực hiện các biện pháp khống chế, giảm thiểu mùi hôi khó chịu hoặc gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tại máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Tại máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 03: Tại máy may.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

- Nguồn số 01: Tọa độ: X: 1186329; Y: 0409548.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X: 1186357; Y: 0409564.
- Nguồn số 03: Tọa độ: X: 1186325; Y: 0409556.

3. Tiếng ồn: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT, cụ thể như sau:

STT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{aeq}) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

4. Độ rung: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT.

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

2.3. Phối hợp với đơn vị thuê lại nhà xưởng đảm bảo nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định.

2.4. Đơn vị thuê lại nhà xưởng phải có biện pháp giảm thiểu bảo đảm tiếng ồn, độ rung nằm trong giới hạn cho phép quy định phù hợp với từng ngành nghề sản xuất trước khi đi vào hoạt động sản xuất.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh dự kiến

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Số lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	NH	40
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	NH	120
3	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	NH	50
4	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	Rắn	KS	360
5	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	Rắn	KS	1.560
6	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	18 01 04	Rắn	KS	438
7	Giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại.	18 02 01	Rắn	KS	840
8	Linh kiện thiết bị điện, điện tử thải	19 02 06	Rắn	NH	80
9	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	NH	15
10	Pin Ni-Cd thải	19 06 02	Rắn	NH	16
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					3.519

- Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện phân định, phân loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in văn phòng thải	08 02 08	Rắn	TT	24
2	Nhóm vải: vải vụn	10 02 10	Rắn	TT-R	73.920
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 12	Bùn	TT	5.000
4	Nhóm kim loại: sắt, inox	12 08 05	Rắn	TT-R	2.400
5	Nhóm nhựa: can nhựa, bao đay, màng co, bạt, ni long,	12 08 06	Rắn	TT-R	30.000
6	Nhóm giấy: Vỏ hộp, bao bì giấy carton, túi đựng nguyên liệu	18 01 05	Rắn	TT	25.000
7	Pallet gỗ	18 01 07	Rắn	TT-R	12.000
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					148.344

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Khối lượng (Tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	60
2	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	69,48
Tổng khối lượng dự kiến (tấn/năm)		129,48

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích 01 khu vực lưu chứa: 40 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải nguy hại có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã chất thải nguy hại, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải nguy hại được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích 01 khu vực lưu chứa chất thải thông thường: 320 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: mái che, nền chống thấm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Diện tích 01 khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt: 160 m².

Thiết bị lưu chứa: thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 20 lít, 240 lít và 660 lít đặt tại khu vực nhà vệ sinh, văn phòng làm việc và khu vực sản xuất.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có biện pháp chống tràn và thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Cơ sở theo quy định.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

4. Đơn vị thuê lại nhà xưởng

- Phải bố trí khu lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường để lưu giữ chất thải theo quy định, riêng biệt đối với đơn vị cho thuê nhà xưởng, sau đó được chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Phải bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh, thu gom về khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt tập trung, riêng biệt đối với đơn vị cho thuê nhà xưởng và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Phải ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý các loại chất thải nguy hại theo quy định.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNDN ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với dự án.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định.

5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh Công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân

thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2, UBND huyện Nhơn Trạch, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan. Chủ cơ sở chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho cơ sở.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện quản lý sử dụng đất, trình tự thủ tục xây dựng, PCCC theo quy định pháp luật hiện hành.

13. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới.

14. Có trách nhiệm yêu cầu và đảm bảo đơn vị thuê nhà xưởng đảm bảo nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước, an toàn hóa chất và các quy định pháp luật có liên quan khác.

15. Có trách nhiệm yêu cầu và đảm bảo đơn vị thuê nhà xưởng xây dựng phương án, kế hoạch/biện pháp bảo vệ môi trường và phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nguy hiểm trong công nghiệp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành./.

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI